

BỘ CÔNG THƯƠNG
Số: 17/2012/TT-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2012

THÔNG TƯ

Quy định về giá bán điện và hướng dẫn thực hiện

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Nghị định số 105/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 08 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 189/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 21/2009/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về giá bán điện năm 2009 và các năm 2010 - 2012 theo cơ chế thị trường;

Căn cứ Quyết định số 24/2011/QĐ-TTg ngày 15 tháng 04 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về Biểu giá bán lẻ điện áp dụng từ năm 2011.

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về giá bán điện và hướng dẫn thực hiện như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về giá bán lẻ điện chi tiết cho các nhóm đối tượng khách hàng sử dụng điện căn cứ trên giá bán điện bình quân xác định theo cơ chế quy định tại Quyết định số 24/2011/QĐ-TTg ngày 15 tháng 04 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và giá bán buôn điện cho các đơn vị bán lẻ điện mua điện trực tiếp từ các Tổng công ty điện lực hoặc các đơn vị điện lực trực thuộc.

2. Thông tư này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân mua bán điện từ hệ thống điện quốc gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Giá bán điện tại những khu vực không nối lưới điện quốc gia do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Cục Điều tiết điện lực.

Điều 2. Giá bán điện bình quân

Giá bán điện bình quân là 1.369 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), tương ứng với các thông số tính toán chi tiết tại Phần A Phụ lục của Thông tư này.

Điều 3. Giá bán điện theo cấp điện áp

1. Giá bán điện theo cấp điện áp áp dụng đối với khách hàng sử dụng điện cho mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, bơm nước tưới tiêu, hành chính sự nghiệp và cho khu công nghiệp, cho mục đích khác tại các nhà chung cư cao tầng tại thành phố và khu đô thị mới.
2. Hệ thống đo đếm điện đặt ở cấp điện áp nào thì giá bán điện được tính theo giá quy định tại cấp điện áp đó.

Điều 4. Giá bán điện theo thời gian sử dụng trong ngày

Giá bán điện được quy định theo thời gian sử dụng điện trong ngày (sau đây gọi là hình thức ba giá), như sau:

1. Giờ bình thường

a) Gồm các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy

- Từ 04 giờ 00 đến 9 giờ 30 (05 giờ và 30 phút);
- Từ 11 giờ 30 đến 17 giờ 00 (05 giờ và 30 phút);
- Từ 20 giờ 00 đến 22 giờ 00 (02 giờ).

b) Ngày Chủ nhật

Từ 04 giờ 00 đến 22 giờ 00 (18 giờ).

2. Giờ cao điểm

a) Gồm các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy

- Từ 09 giờ 30 đến 11 giờ 30 (02 giờ);
- Từ 17 giờ 00 đến 20 giờ 00 (03 giờ).

b) Ngày Chủ nhật: không có giờ cao điểm.

3. Giờ thấp điểm

Tất cả các ngày trong tuần: từ 22 giờ 00 đến 04 giờ 00 sáng ngày hôm sau (06 giờ).

Điều 5. Điều kiện được áp giá bán buôn điện

1. Giá bán buôn điện quy định tại Điều 15, Điều 16 và Điều 17 của Thông tư này được áp dụng đối với đơn vị bán lẻ điện đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối và bán lẻ điện được cơ quan có thẩm quyền cấp trừ các trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 34 của Luật Điện lực;
- b) Có sổ sách kế toán theo quy định, trong đó phần kinh doanh bán lẻ điện phải được hạch toán tách biệt với các hoạt động kinh doanh khác;
- c) Có hợp đồng mua bán điện và công tơ đo đếm điện lắp đặt cho từng hộ sử dụng điện theo quy định tại Điều 24 của Luật Điện lực; có phát hành hoá đơn giá trị gia tăng tiền điện theo quy định, của Bộ Tài chính cho từng khách hàng sử dụng điện theo từng kỳ thanh toán được quy định trong hợp đồng mua bán điện.

2. Đối với đơn vị bán lẻ điện không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Đơn vị bán buôn điện có trách nhiệm báo cáo Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định để thu

hội giấy phép hoạt động điện lực và bàn giao lưới điện thuộc phạm vi quản lý của đơn vị này cho Công ty điện lực để bán điện trực tiếp cho khách hàng sử dụng điện. Trong thời gian chờ hoàn thành các thủ tục bàn giao, Đơn vị bán buôn điện được phép áp dụng giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc thang cho toàn bộ sản lượng điện đo đếm được tại công tơ tổng theo số định mức hộ sử dụng điện của hoá đơn tiền điện tháng gần nhất.

Điều 6. Hướng dẫn thực hiện giá bán điện

1. Thời gian áp dụng biểu giá: từ ngày 01 tháng 7 năm 2012.
2. Giá bán điện quy định trong Thông tư này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
3. Hướng dẫn chi tiết thực hiện biểu giá được quy định trong Phần B Phụ lục của Thông tư này.
4. Trường hợp giá bán điện bình quân được điều chỉnh theo quy định tại Quyết định số 24/2011/QĐ-TTg ngày 15 tháng 04 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường và Thông tư số 31/2011/TT-BCT ngày 19 tháng 08 năm 2011 của Bộ Công Thương quy định điều chỉnh giá bán điện theo thông số đầu vào cơ bản, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm điều chỉnh mức giá bán điện chi tiết cho các nhóm khách hàng.

Chương II

BIỂU GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN

Điều 7. Giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất

Giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất như sau:

STT	Đối tượng áp dụng giá	Giá bán điện (đồng/kWh)
1	Cấp điện áp từ 110 kV trở lên	
	a) Giờ bình thường	1.158
	b) Giờ thấp điểm	718
	c) Giờ cao điểm	2.074
2	Cấp điện áp từ 22 kV đến dưới 110 kV	
	a) Giờ bình thường	1.184
	b) Giờ thấp điểm	746
	c) Giờ cao điểm	2.156
3	Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV	
	a) Giờ bình thường	1.225

STT	Đối tượng áp dụng giá	Giá bán điện (đồng/kWh)
	b) Giờ thấp điểm	773
	c) Giờ cao điểm	2.224
4	Cấp điện áp dưới 6 kV	
	a) Giờ bình thường	1.278
	b) Giờ thấp điểm	814
	c) Giờ cao điểm	2.306

Khách hàng mua điện tại cấp điện áp 20kV được tính theo giá tại cấp điện áp từ 22kV đến dưới 110kV.

Điều 8. Giá bán lẻ điện cho bơm nước tưới tiêu

Giá bán lẻ điện cho bơm nước tưới tiêu như sau:

STT	Cấp điện áp	Giá bán điện (đồng/kWh)
1	Từ 6 kV trở lên	
	a) Giờ bình thường	1.088
	b) Giờ thấp điểm	568
	c) Giờ cao điểm	1.581
2	Dưới 6 kV	
	a) Giờ bình thường	1.142
	b) Giờ thấp điểm	595
	c) Giờ cao điểm	1.635

Điều 9. Giá bán lẻ điện cho các đối tượng hành chính, sự nghiệp

Giá bán lẻ điện cho các đối tượng hành chính, sự nghiệp như sau:

STT	Đối tượng áp dụng giá	Giá bán điện (đồng/kWh)
1	Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông	

STT	Đối tượng áp dụng giá	Giá bán điện (đồng/kWh)
	a) Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	1.252
	b) Cấp điện áp dưới 6 kV	1.334
2	Chiếu sáng công cộng	
	a) Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	1.362
	b) Cấp điện áp dưới 6 kV	1.443
3	Đơn vị hành chính, sự nghiệp	
	a) Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	1.389
	b) Cấp điện áp dưới 6 kV	1.444

Điều 10. Giá bán lẻ điện cho kinh doanh

Giá bán lẻ điện cho kinh doanh như sau:

STT	Cấp điện áp	Giá bán điện (đồng/kWh)
1	Từ 22 kV trở lên	
	a) Giờ bình thường	1.909
	b) Giờ thấp điểm	1.088
	c) Giờ cao điểm	3.279
2	Từ 6 kV đến dưới 22 kV	
	a) Giờ bình thường	2.046
	b) Giờ thấp điểm	1.225
	c) Giờ cao điểm	3.388
3	Dưới 6 kV	
	a) Giờ bình thường	2.074
	b) Giờ thấp điểm	1.279

c) Giờ cao điểm	3.539
-----------------	-------

Điều 11. Giá bán lẻ điện sinh hoạt

1. Giá bán lẻ điện bậc thang cho mục đích sinh hoạt như sau:

STT	Mức sử dụng của một hộ trong tháng	Giá bán điện (đồng/kWh)
1	Cho 50 kWh (cho hộ nghèo và thu nhập thấp)	993
2	Cho kWh từ 0 - 100 (cho hộ thông thường)	1.284
3	Cho kWh từ 101 - 150	1.457
4	Cho kWh từ 151 - 200	1.843
5	Cho kWh từ 201 - 300	1.997
6	Cho kWh từ 301 - 400	2.137
7	Cho kWh từ 401 trở lên	2.192

2. Giá điện cho bậc thang đầu tiên (0 - 50 kWh) chỉ áp dụng cho hộ nghèo và hộ thu nhập thấp, thường xuyên có mức sử dụng điện không quá 50kWh/tháng và có đăng ký với bên bán điện. Các hộ nghèo, hộ thu nhập thấp để được mua điện theo giá của bậc thang đầu tiên đăng ký theo hướng dẫn của bên bán điện.

3. Biểu giá từ bậc thang thứ hai trở đi được áp dụng cho các hộ thông thường và cho các hộ nghèo, hộ thu nhập thấp có đăng ký cho sản lượng điện sử dụng từ kWh thứ 51 trở lên.

4. Giá bán lẻ điện cho mục đích sinh hoạt cho các đối tượng mua điện tạm thời và mua điện ngắn hạn theo hình thức sử dụng thẻ trả trước là: 1.807 đồng/kWh (giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT).

Điều 12. Giá bán lẻ điện tại những nơi chưa có lưới điện quốc gia

1. Giá bán lẻ điện sinh hoạt tại khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo nơi chưa nối lưới điện quốc gia do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nhưng không được ngoài mức giá trần và giá sàn được quy định như sau:

a) Giá sàn: 2.054 đồng/kWh;

b) Giá trần: 3.423 đồng/kWh.

2. Đơn vị bán lẻ điện tại khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo nơi chưa nối lưới điện quốc gia có trách nhiệm xây dựng Đề án giá bán lẻ điện cho các đối tượng khách hàng sử dụng điện trong khu vực trên nguyên tắc đảm bảo kinh doanh và phải xác định rõ lượng bù lỗ do bán điện cho sinh hoạt theo giá trần quy định nhưng thấp hơn giá đảm bảo kinh doanh được duyệt, gửi Sở Công Thương thẩm tra, báo cáo để gửi Cục Điều tiết điện lực có ý kiến bằng văn bản để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hàng năm.

Điều 13. Giá bán lẻ điện tại những khu vực nối lưới điện quốc gia đồng thời có nguồn phát điện tại chỗ

Đơn vị bán lẻ điện tại khu vực nối lưới điện quốc gia có nguồn phát điện tại chỗ kết hợp phát điện với mua điện từ hệ thống điện quốc gia để bán lẻ điện cho các khách hàng sử dụng điện có trách nhiệm xây dựng Đề án giá bán điện cho các đối tượng khách hàng sử dụng điện trong khu vực trình Cục Điều tiết điện lực thẩm định để trình Bộ Công Thương phê duyệt hàng năm. Đơn vị bán lẻ điện có trách nhiệm lấy ý kiến chính thức bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho Đề án giá bán điện trước khi trình thẩm định.

Trường hợp giá điện toàn quốc được điều chỉnh thì giá bán lẻ điện tại khu vực nối lưới điện quốc gia có nguồn phát điện tại chỗ (trong khu công nghiệp) được điều chỉnh tương ứng với mức điều chỉnh giá bán điện bình quân toàn quốc theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 31/2011/TT-BCT ngày 19 tháng 08 năm 2011 của Bộ Công Thương quy định điều chỉnh giá bán điện theo thông số đầu vào cơ bản.

Chương III

GIÁ BÁN BUÔN ĐIỆN

Điều 14. Giá bán buôn điện cho Tổng công ty điện lực

1. Giá bán buôn điện cho Tổng công ty điện lực từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Công ty mua bán điện) tại các điểm giao nhận được xác định theo hướng dẫn của Bộ Công Thương, phù hợp với quy định tại Quyết định số 24/2011/QĐ-TTg ngày 15 tháng 04 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường và Thông tư số 31/2011/TT-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2011 quy định điều chỉnh giá bán điện theo thông số đầu vào cơ bản.

2. Giá truyền tải điện bình quân tính tại điểm giao nhận tương ứng với sản lượng điện truyền tải tại điểm giao nhận với lưới điện phân phối: 83,3 đ/kWh.

Điều 15. Giá bán buôn điện nông thôn

1. Vị trí xác định sản lượng bán buôn điện nông thôn

Giá bán buôn điện nông thôn được áp dụng đối với các đơn vị bán lẻ điện nông thôn cho sản lượng điện mua buôn đo đếm được tại công tơ đo đếm tổng đặt tại trạm biến áp.

2. Giá bán buôn điện sinh hoạt nông thôn như sau:

TT	Mức sử dụng bình quân của một hộ gia đình nông thôn trong tháng sau công tơ tổng	Giá bán điện (đồng/kWh)
1	Cho 50 kWh (chỉ cho hộ nghèo và thu nhập thấp)	807
2	Cho kWh từ 0 - 100 (cho hộ thông thường)	1.014
3	Cho kWh từ 101 - 150	1.122
4	Cho kWh từ 151 - 200	1.419
5	Cho kWh từ 201 - 300	1.548

TT	Mức sử dụng bình quân của một hộ gia đình nông thôn trong tháng sau công tơ tổng	Giá bán điện (đồng/kWh)
6	Cho kWh từ 301 - 400	1.656
7	Cho kWh từ 401 trở lên	1.710

Giá bán buôn điện sinh hoạt nông thôn là giá bán tại công tơ tổng do Tổng công ty Điện lực, Công ty Điện lực hoặc đơn vị được ủy quyền thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán cho đơn vị bán lẻ điện nông thôn.

Nguyên tắc xác định số định mức sử dụng điện cho hộ sử dụng điện sinh hoạt sau công tơ tổng được quy định tại điểm b khoản 1 mục IV Phần B của Phụ lục Thông tư này.

3. Giá bán buôn điện sử dụng cho mục đích khác (ngoài mục đích sinh hoạt) tại công tơ tổng mua buôn điện nông thôn là 1.116 đồng/kWh.

Điều 16. Giá bán buôn điện khu tập thể, cụm dân cư

1. Vị trí xác định sản lượng bán buôn điện khu tập thể, cụm dân cư

Giá bán buôn điện khu tập thể, cụm dân cư áp dụng đối với đơn vị bán lẻ điện cho sản lượng điện mua buôn đo đếm được tại công tơ đo đếm tổng đặt tại trạm biến áp hoặc tại đầu nhánh rẽ đường dây hạ thế.

2. Giá bán buôn điện sinh hoạt khu tập thể, cụm dân cư như sau:

TT	Mức sử dụng bình quân của một hộ gia đình sử dụng trong tháng sau công tơ tổng	Giá bán điện (đồng/kWh)
1	Thành phố, thị xã	
a)	Trạm biến áp do Bên bán điện đầu tư	
	Cho 50 kWh (chỉ cho hộ nghèo và thu nhập thấp)	912
	Cho kWh từ 0 - 100 (cho hộ thông thường)	1.181
	Cho kWh từ 101 - 150	1.318
	Cho kWh từ 151 - 200	1.668
	Cho kWh từ 201 - 300	1.831
	Cho kWh từ 301 - 400	1.970
	Cho kWh từ 401 trở lên	2.021
b)	Trạm biến áp do Bên mua điện đầu tư	

TT	Mức sử dụng bình quân của một hộ gia đình sử dụng trong tháng sau công tơ tổng	Giá bán điện (đồng/kWh)
	Cho 50 kWh (cho hộ nghèo và thu nhập thấp)	900
	Cho kWh từ 0 - 100 (cho hộ thông thường)	1.156
	Cho kWh từ 101 - 150	1.277
	Cho kWh từ 151 - 200	1.615
	Cho kWh từ 201 - 300	1.775
	Cho kWh từ 301 - 400	1.901
	Cho kWh từ 401 trở lên	1.973
2	Thị trấn, huyện lỵ	
a)	Trạm biến áp do Bên bán điện đầu tư	
	Cho 50 kWh (cho hộ nghèo và thu nhập thấp)	881
	Cho kWh từ 0 - 100 (cho hộ thông thường)	1.124
	Cho kWh từ 101 - 150	1.246
	Cho kWh từ 151 - 200	1.576
	Cho kWh từ 201 - 300	1.737
	Cho kWh từ 301 - 400	1.859
	Cho kWh từ 401 trở lên	1.907
b)	Trạm biến áp do Bên mua điện đầu tư	
	Cho 50 kWh (cho hộ nghèo và thu nhập thấp)	863
	Cho kWh từ 0 - 100 (cho hộ thông thường)	1.104
	Cho kWh từ 101 - 150	1.214
	Cho kWh từ 151 - 200	1.536
	Cho kWh từ 201 - 300	1.664

	Cho kWh từ 301 - 400	1.790
	Cho kWh từ 401 trở lên	1.836

Giá bán buôn điện sinh hoạt khu tập thể, cụm dân cư là giá bán tại công tơ tổng do Tổng công ty Điện lực, Công ty Điện lực hoặc đơn vị được ủy quyền bán cho đơn vị bán lẻ điện khu tập thể, cụm dân cư.

Giá bán buôn điện sinh hoạt cho các nhà chung cư cao tầng tại thành phố và khu đô thị mới như sau:

TT	Mức sử dụng bình quân của một hộ gia đình trong tháng sau công tơ tổng	Giá bán điện (đồng/kWh)
1	Cho kWh từ 0 - 100	1.252
2	Cho kWh từ 101 - 150	1.422
3	Cho kWh từ 151 - 200	1.799
4	Cho kWh từ 201 - 300	1.948
5	Cho kWh từ 301 - 400	2.081
6	Cho kWh từ 401 trở lên	2.135

Nguyên tắc xác định số định mức sử dụng điện cho hộ sử dụng điện sinh hoạt sau công tơ tổng được quy định tại điểm b khoản 1 mục V Phần B của Phụ lục Thông tư này.

3. Giá bán buôn điện sử dụng cho mục đích khác của khu tập thể, cụm dân cư quy định như sau:

STT	Khu vực	Giá bán điện (đồng/kWh)
I	Thành phố (trừ nhà chung cư cao tầng tại thành phố và khu đô thị mới), thị xã, thị trấn, huyện lỵ (không phân biệt cấp điện áp)	1.125
II	Nhà chung cư cao tầng tại thành phố và các khu đô thị mới	
1	Cấp điện áp từ 22 kV trở lên	1.823
2	Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV	1.954
3	Cấp điện áp dưới 6 kV	1.981

Điều 17. Giá bán buôn điện cho các khu công nghiệp

1. Giá bán buôn điện tại thanh cái 110kV của trạm biến áp 110kV khu công nghiệp áp dụng đối với các trường hợp đơn vị bán lẻ điện mua buôn điện tại thanh cái 110kV của khu công nghiệp (trạm 110kV do

bên mua đầu tư) để bán lẻ cho các khách hàng sử dụng điện trong khu công nghiệp được quy định như sau:

STT	Tổng công suất đặt các MBA của trạm biến áp 110/35-32-10-6kV	Giá bán điện (đồng/kWh)
1	>100 MVA	
	a) Giờ bình thường	1.113
	b) Giờ thấp điểm	698
	c) Giờ cao điểm	2.028
2	Từ 50 MVA đến 100 MVA	
	a) Giờ bình thường	1.108
	b) Giờ thấp điểm	675
	c) Giờ cao điểm	2.019
3	< 50 MVA	
	a) Giờ bình thường	1.103
	b) Giờ thấp điểm	674
	c) Giờ cao điểm	2.005

2. Giá bán buôn điện do Công ty điện lực bán cho đơn vị bán lẻ điện tại thanh cái trung thế của trạm biến áp 110/35-22-10-6 kV hoặc tại điểm rẽ nhánh của đường dây trung thế vào khu công nghiệp bằng mức giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất tại cấp điện áp trung thế tương ứng quy định tại Điều 7 của Thông tư này trừ lùi 2%.

3. Giá bán buôn điện do Công ty điện lực bán cho đơn vị bán lẻ điện ở phía trung thế của các trạm biến áp hạ thế bằng mức giá bán lẻ điện áp dụng cho các ngành sản xuất tại cấp điện áp trung thế tương ứng quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm kiểm tra

1. Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các đơn vị bán lẻ điện thuộc địa bàn quản lý trong việc thực hiện giá bán điện theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp phát hiện các đơn vị không đáp ứng đủ điều kiện được quy định Điều 5 của Thông tư này, Sở Công Thương có trách nhiệm tiến hành đình chỉ hoạt động của các tổ chức vi phạm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để thu hồi giấy phép hoạt động điện lực do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp hoặc báo cáo Cục Điều tiết điện lực để thu hồi giấy phép

hoạt động điện lực do Cục Điều tiết điện lực cấp để bàn giao cho Công ty điện lực bán điện trực tiếp đến khách hàng sử dụng điện.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra và giám sát việc thực hiện tính định mức hộ sử dụng và giá bán lẻ điện tại các địa điểm cho thuê nhà để ở nhằm đảm bảo cho người thuê nhà được áp dụng đúng các quy định về giá bán lẻ điện sinh hoạt quy định tại Thông tư này.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2012; thay thế Thông tư số 42/2011/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2011 của Bộ Công Thương quy định về giá bán điện và hướng dẫn thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, yêu cầu các đơn vị có liên quan phản ánh trực tiếp về Cục Điều tiết điện lực để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Bộ Công Thương để giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG**THỨ TRƯỞNG***(Đã ký)***Hoàng Quốc Vượng**